

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Điều 144 và Điều 149 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 125/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và Thỏa thuận nuôi con chung*” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Chị Lê Thị Ngọc M, sinh năm 1988 và anh Cao Văn H, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Theo biên bản hòa giải đoàn tụ không thành lập ngày 17 tháng 12 năm 2024, người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H đã tự nguyện thỏa thuận được với nhau về các vấn đề như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Quá trình chung sống vợ, chồng hoà thuận, hạnh phúc, nhưng càng về sau cuộc sống hôn nhân càng không hoà hợp, không có sự chia sẻ lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng mỗi ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai thống nhất thuận tình ly hôn.

[2] Về con: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H có hai con chung là Cao Hạ V - sinh ngày 09/02/2011 và Cao Ngọc D – sinh ngày 28/7/2012, khi thuận tình ly hôn anh, chị thỏa thuận: Anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động, chị M không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Trong bản tự khai của cháu Cao Hạ V và cháu Cao Ngọc D. Khi bố, mẹ ly hôn nguyện vọng của hai cháu là được ở với bố Cao Văn H.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

[4] Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc M nhận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Xét thấy:

\* Về tố tụng: Căn cứ nội dung đơn yêu cầu của các đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Tòa án thụ lý giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Người yêu cầu vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con như đơn yêu cầu.

\* Về Hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H tự nguyện kết hôn với nhau năm 2009, đăng ký tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện N, tỉnh K. Quá trình chung sống vợ, chồng hoà thuận, hạnh phúc, nhưng càng về sau cuộc sống hôn nhân càng không hoà hợp, không có sự chia sẻ lẫn nhau, mâu thuẫn vợ chồng mỗi ngày một trầm trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đây là lý do của mục đích hôn nhân không đạt được, nên cả hai cùng thống nhất thuận tình ly hôn.

\* Về con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H có hai con chung là Cao Hạ V - sinh ngày 09/02/2011 và Cao Ngọc D – sinh ngày 28/7/2012, khi thuận tình ly hôn anh, chị thỏa thuận: Anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động, chị M không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Trong bản tự khai của hai cháu: Cao Hạ V và Cao Ngọc D thể hiện. Khi bố, mẹ ly hôn nguyện vọng của cả hai cháu là được ở với bố Cao Văn H. Xét thấy: Nguyện vọng của hai cháu là hoàn toàn phù hợp với thỏa thuận nuôi con của chị M và anh H, phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, do đó anh H được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục hai con, cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 12 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy việc chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con của chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H là hoàn toàn có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị Ngọc M và anh Cao Văn H.

- Về trách nhiệm nuôi con: Anh Cao Văn H được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai con là Cao Hạ V - sinh ngày 09/02/2011 và Cao Ngọc D – sinh ngày 28/7/2012 cho đến khi hai con thành niên và có khả năng lao động, chị M không phải cấp dưỡng nuôi hai con.

Sau khi ly hôn, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

2. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lê Thị Ngọc M nhận chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chuyển số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị M đã nộp tạm ứng lệ phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai ký hiệu: BLTU/23 Số: 0002133 ngày 02/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, tỉnh K, thành tiền lệ phí ly hôn sơ thẩm. Đương sự đã nộp xong

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh K;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND huyện N;
- UBND thị trấn P;
- Chi cục THADS huyện N;
- Lưu hồ sơ việc dân sự./.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Nguyễn Bá Khen**